

Số: 343 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng
quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8
năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính
chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao
và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 02 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới
ban hành, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Điện ảnh
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

Theo Tờ trình của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **02 (Hai)** thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực điện ảnh, văn hóa; bãi bỏ **10 (Mười)** TTHC (cấp tỉnh: 05 TTHC, cấp huyện: 05 TTHC) được công bố tại Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ lĩnh vực điện ảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ TTHC trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ TTHC trong lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; phê duyệt **02 (Hai)** Quy trình nội bộ lĩnh vực điện ảnh, văn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; Danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.gov.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai TTHC theo quy định. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng CP (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

[illegible]

STT	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ		Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
		Toàn trình	Một phần						
02	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (1.003784)	X		02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Nộp trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc Cổng DVC tỉnh; - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh; - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; - Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
01	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 04/10/2022
02	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim	Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03/4/2019
03	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03/4/2019
04	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03/4/2019
05	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” (Thẩm quyền của UBND tỉnh)	Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 03/4/2019
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
06	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
07	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
08	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
09	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
10	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 09/10/2018



Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (Kèm theo Quyết định số 343 /QĐ-UBND ngày 21 /3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ hoặc trường hợp phim phải điều chỉnh nội dung:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc x 08 giờ = 80 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng Quản lý Văn hóa - Du lịch	Chuyên viên phòng	- Xử lý hồ sơ.	25 giờ			
		Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ; - Trình lãnh đạo Sở.	24 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo cơ quan	Lãnh đạo Sở	- Ký Tờ trình gửi UBND tỉnh.	03 giờ			
Bước 4	UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Lãnh đạo UBND	- Phê duyệt kết quả TTHC và gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	24 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			

b) Trường hợp hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung thông tin:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng Quản lý Văn hóa - Du lịch	Chuyên viên phòng	- Xử lý hồ sơ.	17 giờ			
		Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ; - Trình lãnh đạo Sở.	16 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo cơ quan	Lãnh đạo Sở	- Ký Tờ trình gửi UBND tỉnh.	03 giờ			
Bước 4	UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh)	Lãnh đạo UBND	- Phê duyệt kết quả TTHC và gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chuyển đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.	16 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			

2. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng Quản lý Văn hóa - Du lịch	Chuyên viên phòng	- Xử lý hồ sơ.	04 giờ			
		Lãnh đạo phòng	- Duyệt hồ sơ; - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	Lãnh đạo Sở	- Phê duyệt kết quả.	03 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Đóng dấu; - Gửi kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	01 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên Bộ phận Một cửa	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			